

Bản án số: 18/2023/HNGĐ - ST

Ngày 06/9/2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Tiến

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Ngợi và bà Nguyễn Kim Thoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hoàng – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2023/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị H, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

(các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2023, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Đặng Thị H và anh Hoàng Văn T qua tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 12/11/2013. Vợ chồng được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và chung sống cùng gia đình nhà chồng ở thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2014 vợ chồng anh chị dựng

nhà ra ở riêng cũng tại thôn N, xã K. Quá trình vợ chồng chung sống bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 nhưng do được hai bên gia đình hòa giải nên vợ chồng vẫn tiếp tục chung sống. Cho đến tháng 6 năm 2023 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn, nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh T đi làm công nhân còn chị H ở nhà chăm sóc nuôi dạy con, vợ chồng thiếu sự quan tâm đến nhau, chị H nghi ngờ anh T có quan hệ ngoại tình, nhiều lần vợ chồng cãi chửi nhau, thậm chí có lần vợ chồng xô xát, anh T đánh đập chị H. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ đầu tháng 7 năm 2023 cho đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Giữa chị H và anh T có 02 con là cháu Hoàng Thị Ngọc D, sinh ngày 23/7/2014 và cháu Hoàng Đức T1, sinh ngày 23/6/2020, hiện nay 02 con đang sống cùng anh T. Chị H đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị Ngọc D, nhất trí để anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Đức T1 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải chị H nhất trí để anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)/cháu/tháng (tổng là 1.000.000đ/02 cháu/tháng). Phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, phiên hòa giải bị đơn anh Hoàng Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị Đặng Thị H qua tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 12/11/2013. Vợ chồng được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và chung sống cùng gia đình nhà chồng ở thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang từ khi kết hôn cho đến năm 2014 thì vợ chồng dựng nhà ra ở riêng cũng tại thôn N, xã K, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình vợ chồng chung sống bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, nguyên nhân là do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã nhưng vợ chồng tự hòa giải nên vẫn tiếp tục chung sống và nuôi dạy con. Cho đến tháng 6 năm 2023 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh T đi làm công nhân còn chị H ở nhà chăm sóc nuôi dạy con dẫn tới vợ chồng thiếu sự quan tâm, tin tưởng nhau, chị H nghi ngờ anh T có quan hệ ngoại tình, nhiều lần vợ chồng cãi chửi nhau, có lần chị H bắt gặp anh T ở trong

phòng trọ tại nơi làm việc (tỉnh Bắc Ninh) với người phụ nữ khác, anh T đã nhận lỗi và xin lỗi chị H để chị H cho cơ hội sửa sai. Tuy nhiên, đến cuối tháng 6/2023 chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh T có thuyết phục chị H quay lại nhưng chị H không nhất trí. Đến đầu tháng 7/2023, chị H cùng con về nhà chồng để chơi thì vợ chồng xảy ra cãi vã, xô xát, anh T có nóng giận tát chị H 03-04 cái nên mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng hơn. Anh T xác nhận mâu thuẫn vợ chồng là thực tế, đã phát sinh từ năm 2020, cho đến tháng 6/2023 thì mâu thuẫn lớn hơn, vợ chồng đã ly thân từ đầu tháng 7 năm 2023 cho đến nay. Nay anh T xác định tình cảm mà bản thân anh T giành cho chị H vẫn còn, thương 02 con còn nhỏ, không muốn các con rơi vào hoàn cảnh thiếu cha thiếu mẹ nên không nhất trí ly hôn, đề nghị được đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Có 02 con là cháu Hoàng Thị Ngọc D, sinh ngày 23/7/2014 và cháu Hoàng Đức T1, sinh ngày 23/6/2020, hiện nay 02 con đang sống cùng gia đình anh T, trong trường hợp vợ chồng phải ly hôn, anh T đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng/02 con (mỗi cháu là 500.000 đồng/tháng). Phương thức cấp dưỡng, thực hiện theo tháng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày như phiên hòa giải, không thay đổi, bổ sung gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; các Điều 271, 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H, cho chị Đặng Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn T; Về con chung: Giao các cháu Hoàng Thị Ngọc D, sinh ngày 23/7/2014 và cháu Hoàng Đức T1, sinh ngày 23/6/2020 cho anh Hoàng Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Đặng Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn số tiền 500.000 đồng/tháng/ cháu (tổng là 1.000.000 đồng/tháng/02 cháu). Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Đặng Thị H có quyền và

nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét; Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, không đề cập xem xét. Về án phí: Chị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình với lý do là hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí; anh T không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Hoàng Văn T; Anh Hoàng Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã K, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị H và anh Hoàng Văn T là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 12/11/2013. Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn N, xã K, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng được hai bên gia đình hòa giải nên vợ chồng vẫn tiếp tục chung sống và cùng nhau nuôi dạy con. Cho đến tháng 6 năm 2023 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn, nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh T đi làm công nhân còn chị H ở nhà chăm sóc nuôi dạy con dẫn tới vợ chồng thiếu sự quan tâm, tin tưởng nhau, chị H nghi ngờ anh T có quan hệ ngoại tình, nhiều lần vợ chồng cãi chửi nhau, thậm chí có lần vợ chồng xô xát, anh T đánh đập chị H tại phòng trọ (tỉnh Bắc Ninh). Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ đầu tháng 7 năm 2023 cho đến nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Hoàng Văn T. Anh T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, từng nhiều lần đánh chị H nhưng vẫn còn tình cảm với chị H và thương các con còn nhỏ nên không nhất trí ly hôn.

Tòa án xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được; thể hiện tại bản tự khai (BL.23-24), biên bản ghi lời khai (BL.25-27), lời trình bày của chị H và anh T tại phiên hòa giải (BL.37-40) và tại phiên tòa. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã phát sinh từ giữa năm 2017, cho đến tháng 6 năm 2023 thì trầm trọng hơn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm chia sẻ, thiếu sự tin tưởng, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T nhiều lần đánh chị H, vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2023 đến nay. Xét thấy việc anh T không nhất trí ly hôn chỉ nhằm ràng buộc chị H, giữa anh chị không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị H, cho chị H được ly hôn anh Hoàng Văn T.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị H và anh T có 02 con là cháu Hoàng Thị Ngọc D, sinh ngày 23/7/2014 và cháu Hoàng Đức T1, sinh ngày 23/6/2020, hiện nay 02 con đang sống cùng gia đình anh T. Chị H và anh T đều có quan điểm trong trường hợp ly hôn thì anh T sẽ là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn số tiền là 500.000 đồng/tháng/cháu (tổng là 1.000.000 đồng/tháng/02 cháu). Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét thấy 02 con đã ở cùng anh T kể từ khi vợ chồng ly thân, cháu Hoàng Thị Ngọc D đã đủ 07 tuổi, có nguyện vọng được ở cùng bố khi bố mẹ ly hôn, anh T đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và chị H nhất trí. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao 02 con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn theo mức cấp dưỡng, phương thức và thời gian cấp dưỡng nêu trên là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Đặng Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định (với lý do là hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí); anh Hoàng Văn T không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử:

- Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị H. Cho chị Đặng Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Giao 02 cháu Hoàng Thị Ngọc D, sinh ngày 23/7/2014 và cháu Hoàng Đức T1, sinh ngày 23/6/2020 cho anh Hoàng Văn T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Đặng Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn số tiền là 500.000 đồng/tháng/cháu (tổng là 1.000.000 đồng/tháng/02 cháu). Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Chị Đặng Thị H có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí: Chị Đặng Thị H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Anh Hoàng Văn T không phải chịu án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (06/9/2023).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã K (Nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Tiến

